CÔNG VĂN ĐẾN SỞ TƯ PHÁP
28-11-2023 10:37:06 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 37 /2023/QĐ-UBND	*Hòa Bình, ngày 27 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hoà Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 579/TTr-STC ngày 20 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này được áp dụng đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội; Doanh nghiệp có tài sản cố định do Nhà nước giao quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù

1. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình được quy định tại phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục tài sản cố định đặc thù được quy định tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp căn cứ Thông tư số 23/2023/TT- BTC ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Thông tư số 23/2023/TT- BTC) và các nội dung quy định tại Quyết định này, thực hiện việc ghi sổ kế toán, hạch toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh danh mục tài sản chưa được quy định tại Điều 3 Quyết định này, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2023 và thay thế Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hoà Bình Ban hành quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định; danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý tỉnh Hoà Bình.

2. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh HB;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- TT Tin học và Công báo tỉnh;
- Các Phó chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH (BM).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quách Tất Liêm

PHỤ LỤC SỐ 01:
QUY ĐỊNH THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Kèm theo Quyết định số: 37 /2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

STT	Danh mục	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỉ lệ hao mòn (%/năm)
Loại 1	**Quyền tác giả và quyền liên quan đến tác giả**		
1	Tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí và khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và các tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác	25	4
2	Tác phẩm âm nhạc	25	4
3	Tác phẩm sân khấu, điện ảnh	25	4
4	Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng	25	4
5	Tác phẩm nhiếp ảnh	25	4
6	Tác phẩm kiến trúc	25	4
7	Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian	25	4
8	Tác phẩm mo mường	25	4
9	Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu	25	4
10	Quyền tác giả khác	25	4
Loại 2	**Quyền sở hữu Công nghiệp**		
1	Bằng phát minh, sáng chế	20	5
2	Kiểu dáng công nghiệp	5	20
3	Nhãn hiệu	10	10
4	Thiết kế bố trí	10	10
5	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích	10	10
6	Quyền sở hữu công nghiệp khác	10	10
Loại 3	**Quyền đối với giống cây trồng**		
1	Giống cây thân gỗ	25	4
2	Giống cây trồng khác	20	5
Loại 4	**Phầm mềm ứng dụng**		
1	Phần mềm kế toán	5	20
2	Phần mềm hệ thống	5	20
3	Hệ điều hành: Hệ điều hành máy chủ; hệ điều hành máy trạm, máy tính cá nhân, để bàn; hệ điều hành dùng có thiết bị cầm tay; hệ điều hành dùng cho thiết bị số khác	5	20
4	Phần mềm tin học văn phòng	5	20
5	Cơ sở dữ liệu	5	20
6	Phần mềm ứng dụng khác	5	20
Loại 5	**Tài sản cố định vô hình khác (trừ Quyền sử dụng đất)**	5	20

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

PHỤ LỤC SỐ 02:

QUY ĐỊNH DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Kèm theo Quyết định số: 37 /2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

STT	DANH MỤC
Loại I	**Cổ vật**
Loại II	**Hiện vật trưng bày trong bảo tàng**
I	**Chất liệu gốm**
1	Tượng Nghê
2	Bình men trắng ngà
3	Bát gốm, sứ
4	Đĩa gốm, sứ
5	Âu
6	Ấm
7	Lọ
8	Thạp
9	Đồ gốm khác
II	**Chất liệu kim loại**
1	Nồi đồng
2	Tiền đồng
3	Ninh đồng
4	Chiêng
5	Trống đồng
6	Chiêng đồng
7	Cồng đồng
8	Lằng khằng đồng
9	Xanh đồng 4 quả quai xoắn
10	Răng voi hoá thạch
11	Bộ sưu tập đồ dùng thầy cúng
12	Bộ sưu tập trang sức bằng bạc và đồng Phụ nữ Thái
13	Xanh đồng
14	Mâm đồng
15	Vỏ đạn
16	Trang sức bạc
III	**Chất liệu giấy và lá cây**
1	Sắc phong

2	Tài liệu chữ Quốc ngữ
3	Sách Hán Nôm, Nôm Dao
4	Tranh thờ
5	Sách lá cây
IV	**Chất liệu xương**
1	Bộ di cốt cá thể trưởng thành
2	Bộ di cốt cá thể chưa trưởng thành
3	Xương người các loại
4	Vỏ ốc, sò
5	Xương động vật các loại
6	Xác con BaBa
7	Mộ táng Văn hóa Hòa Bình
8	Xương ống chân và răng Voi
9	Xương chân và tay thú
V	**Chất liệu vải**
1	Mặt phà dân tộc Mường
2	Cạp váy dân tộc Mường
3	Rang váy dân tộc Mường
4	Đai cạp váy dân tộc Mường
5	Trang phục dân tộc Mường
6	Trang phục dân tộc Thái
7	Trang phục dân tộc Mông
8	Trang phục dân tộc Dao
9	Trang phục dân tộc Tày
10	Mặt phà dân tộc Thái
11	Thổ cẩm Thái
Loại III	**Hiện vật trưng bày trong khu di tích, tưởng niệm**
I	**Chất liệu kim loại**
1	Tượng bán thân chân dung Bác Hồ bằng đồng
2	Đỉnh Sòi bằng đồng
3	Đế đặt tượng Bác Hồ bằng đồng đỏ
4	Lọ hoa miệng giấu bằng đồng
5	Cây nến bằng đồng

6	Ban thờ đặt tượng Bác Hồ bằng đồng đỏ
7	Bát hương đồng
8	Hạc đứng trên lưng Rùa bằng đồng
9	Bát hương gốm cổ tráng men màu da lươn
10	Cỗ Long ngai cổ và bài vị
11	Quán rẩy gỗ cổ được trạm trổ hình rồng
12	Mâm bồng cổ
13	Lọ hoa gỗ
14	Đài cơm
15	Cây nến gỗ
16	Mâm bồng
17	Đài nước, đài rượu
18	Hòm đựng sắc phong cổ
19	Ống đựng sắc phong cổ
20	Bát đồng dùng để làm mõ
21	Quấn tẩy
22	Tượng Đức Ông
23	Tượng Quốc Mẫu
24	Chuông đồng
25	Bộ chấp kích
26	Kiệu bát cống
27	Tượng ông
28	Đỉnh sứ
29	Lư hương
30	Bát hương đồng
Loại IV	**Lăng tẩm**
Loại V	**Di tích lịch sử được xếp hạng**
Loại VI	**Tài liệu cổ**
Loại VII	**Tài liệu quý hiếm**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH